

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10-01-2025

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thà

Bà Dương Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 473/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 589/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Việt H, sinh năm 1990; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn C, xã L, huyện B, tỉnh Hải Dương; Địa chỉ hiện nay: Hàn Quốc. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

Người được chị H ủy quyền về việc giao, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số H N, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Đ, thôn C, xã L, huyện B, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Vũ Thị Việt H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn C được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã Y), huyện G, tỉnh Hải Dương vào ngày 25/12/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống cùng nhau tại thôn C, xã L, huyện B, tỉnh Hải Dương. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên tháng

6/2019 chị đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Từ đó chị và anh C xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống cũng như trong việc chăm sóc, nuôi dạy con cái và cách nhìn nhận cuộc sống của hai bên không hợp nhau. Mặt khác do vợ chồng sống xa cách nên tình cảm phai nhạt, chị và anh C không còn quan tâm, liên lạc với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Vũ Diệu L, sinh ngày 20/8/2010 và Nguyễn Vũ Anh T1, sinh ngày 18/12/2014. Hiện nay các con đang ở cùng anh C. Sau khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho anh C nuôi dưỡng. Chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi 02 con là 2.000.000 đồng/1 tháng/1 cháu cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Theo Biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết, bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định về thời gian, điều kiện kết hôn như chị H trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống cùng mẹ anh ở thôn B, xã T (nay là xã Y), huyện G được 01 năm thì chuyển về thôn C, xã L, huyện B sinh sống. Quá trình chung sống, vợ chồng chỉ có một số mâu thuẫn, cãi vã nhỏ trong gia đình. Cuối năm 2018, chị H đi Hàn Quốc theo diện đi du lịch nhưng từ đó đến nay chị H không về Việt Nam. Khoảng 1, 2 năm đầu lúc mới sang Hàn Quốc, chị H có liên lạc về với anh nhưng sau đó thì không liên lạc về nữa. Anh xác định vợ chồng sống ly thân đến nay khoảng 06 năm. Quá trình giải quyết vụ án, anh có quan điểm đồng ý ly hôn chị H. Tuy nhiên, đến nay anh xác định vẫn còn tình cảm với chị H và mong muốn các con có đủ cả bố và mẹ nên chị H xin ly hôn, anh không đồng ý.

Về quan hệ con chung: Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh xin được nuôi cả 02 con chung là Nguyễn Vũ Diệu L, sinh ngày 20/8/2010 và Nguyễn Vũ Anh T1, sinh ngày 18/12/2014. Chị H tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000 đồng/1 tháng/1 cháu, anh nhất trí.

Về tài sản chung, nợ chung: Ngày 06/11/2024, anh có đơn đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung khi ly hôn. Nay anh xác định vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết về tài sản nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Trường hợp vợ chồng không tự thỏa thuận được, anh sẽ làm đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung bằng vụ án khác.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày: Anh vẫn còn tình cảm với chị H nên không đồng ý ly hôn. Về con chung: Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh xin được nuôi cả 02 con chung và nhất trí việc chị H tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh. Về tài sản chung, nợ chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị Việt H được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn C được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Vũ Diệu L, sinh ngày 20/8/2010 và Nguyễn Vũ Anh T1, sinh ngày 18/12/2014 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Vũ Thị Việt H cấp dưỡng tiền nuôi các con là 2.000.000đồng/1 tháng/1 cháu, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 01/2025 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về án phí: Chị Vũ Thị Việt H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn chị Vũ Thị Việt H hiện đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc. Bị đơn anh Nguyễn Văn C hiện đang sinh sống tại xã L, huyện B, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Các văn bản chị H gửi về và ủy quyền cho anh Nguyễn Ngọc T nộp thay gồm: Đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền đều có xác nhận của Đ1 tại Hàn Quốc nên được xác định là hợp pháp.

[1.3] Tại phiên tòa, chị H vắng mặt, có quan điểm xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Việt H và anh Nguyễn Văn C kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã Y), huyện G, tỉnh Hải Dương vào ngày 25/12/2009 nên là hôn nhân hợp pháp. Chị H xác định vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Năm 2019, chị H đi sang Hàn Quốc, từ đó vợ chồng không quan tâm, không liên lạc với nhau. Anh Chính xác Đ quá trình chung sống vợ chồng chỉ xảy ra một số mâu thuẫn nhỏ, tuy nhiên từ khi chị H đi Hàn Quốc, vợ chồng ít liên lạc với nhau, nếu có chị H chỉ gọi điện về hỏi thăm các con. Anh C và chị H đều xác định vợ chồng sống ly thân từ khi chị H đi Hàn Quốc. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và có đơn xin ly hôn, anh Chính xác Đ vẫn còn tình cảm với chị H và muốn các con có đủ cả bố và mẹ nên không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh C đã trầm trọng, anh chị đã sống ly thân từ lâu, không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt. Anh C không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị H được ly hôn anh C là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị H và anh C có 02 con chung là Nguyễn Vũ Diệu L, sinh ngày 20/8/2010 và Nguyễn Vũ Anh T1, sinh ngày 18/12/2014. Trường hợp vợ chồng ly hôn, chị H và anh C đều có quan điểm giao cả 02 con chung cho anh C nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu L và cháu T1 đang sinh sống ổn định cùng anh C; chị H đang ở nước ngoài, không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung, do vậy cần tiếp tục giao cả 02 con chung cho anh C nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị H tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 2.000.000 đồng/1 tháng/1 cháu cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, anh C nhất trí. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của chị H.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn, các đương sự có yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung thì có quyền làm đơn khởi kiện bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị H là nguyên đơn và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Việt H về các vấn đề sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị Việt H ly hôn anh Nguyễn Văn C.

1.2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho anh Nguyễn Văn C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Nguyễn Vũ Diệu L, sinh ngày 20/8/2010 và Nguyễn Vũ Anh T1, sinh ngày 18/12/2014 thời gian kể từ tháng 01/2025 cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh C là 2.000.000 đồng/1 tháng/1 cháu, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 01/2025 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày anh C có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu chị H chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Chị Vũ Thị Việt H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do anh Nguyễn Ngọc T nộp thay, theo biên lai thu tiền số 0005153 ngày 02 tháng 10 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí.

Chị Vũ Thị Việt H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Chị H chưa nộp.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án

được niêm yết theo quy định pháp luật. Bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Yết Kiêu, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Hoa

